TÒA ÁN NHÂN DÂN **HỆN CM** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tư do – Hạnh phúc**

Bản án: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2020
V/v tranh chấp: "Hôn nhân và gia đình
Ly hôn và nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN CM, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhàn.

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân Hện CM, tỉnh An Giang.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại Tòa án nhân dân Hện CM, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 938/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Lê Nguyễn H, sinh năm: 1990; có mặt.

Địa chỉ: ấp MĐ, xã MHĐ, Hện CM, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm: 1993; vắng mặt.

Địa chỉ: ấp LT, xã Kiến An, Hện CM, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2019; quá trình tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lê Nguyễn H trình bày:

Vào năm 2013, thông qua mai mối nên anh với chị Nguyễn Thị Thúy L được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới về chung sống với nhau; đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, Hện CM, tỉnh An Giang cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 94 ngày 31/3/2014. Anh, chị tiếp tục chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do

bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau kéo dài đến tháng 10/2018 thì chị Liễu bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày 10/9/2014, hiện đang do chị L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa, nhận thấy tình cảm của anh dành cho chị L không còn nên tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L. Về con chung thì anh đồng ý để chị L được quyền tiếp tục nuôi con chung là Lê Nguyễn Khánh B, anh không phải cấp dưỡng cho con.Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng do không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2020, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thúy L trình bày:

Vào năm 2013, thông qua mai mối nên chị với anh Lê Nguyễn H được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới về chung sống với nhau; đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, Hện CM, tỉnh An Giang cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 94 ngày 31/3/2014. Vợ chồng tiếp tục chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh và chị L bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và anh H đã xua đuổi chị về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày 10/9/2014, hiện đang do chị nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ phải thu phải trả chung của vợ chồng: không có.

Chị có yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị còn có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa do bận làm ăn xa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Lê Nguyễn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với vợ là chị Nguyễn Thị Thúy L nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là

"Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn trong vụ án là chị Liễu có nơi cư trú tại ấp Long Thượng, xã Kiến An, Hện CM, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện CM, tỉnh An Giang.

Chị Liễu có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị L là phù hợp với quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: anh H trình bày vào năm 2013, thông qua mai mối nên anh với chị Nguyễn Thị Thúy L được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới về chung sống với nhau như vợ chồng; đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn và được UBND xã Mỹ Hội Đông, Hện CM, tỉnh An Giang cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 94 ngày 31/3/2014. Vợ chồng tiếp tục chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau đến tháng 10/2018 thì chị L bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Chứng minh cho lời trình bày của mình, anh H có cung cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 94 ngày 31/3/2014 do UBND xã Mỹ Hội Đông cấp cho anh, chị; Giấy khai sinh số 425/2014 của cháu Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày10/9/2014. Quá trình Tòa án giải quyết, bị đơn là chị Liễu có bản tự khai ngày 20/3/2020 gửi Tòa án có nội dung hoàn toàn đúng như anh H trình bày và chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H. Do đó, đã có cơ sở để Tòa án xác định hôn nhân giữa anh H và chị L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận nhưng vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn làm cho vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau kể từ tháng 10/2018 đến nay là có thật. Qua đó cho thấy anh, chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh H có yêu cầu được ly hôn với chị L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

Về quan hệ con chung: anh H xác định quá trình chung sống, anh với chị L có 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày 10/9/2014 đang do chị L nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn chung sống cho đến nay, cháu B sống chung với chị L dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị, cháu đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường, cho thấy chị L có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục mỗi cháu. Bên cạnh đó, mặc dù tại đơn khởi kiện

ngày 25/12/2019, anh H có yêu cầu được quyền nuôi cháu B nhưng tại phiên tòa anh đã thay đổi yêu cầu là đồng ý để chị Liễu được quyền tiếp tục nuôi cháu B. Do đó yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu B của chị Liễu là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên chấp nhận; ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì sau khi ly hôn, anh H vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng cho con, do chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết; tuy nhiên, vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: anh H và chị Liễu đều khẳng định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: anh H và chị Liễu đều xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không có yêu cầu gì, vì vậy Tòa án cũng không xem xét giải quyết nhưng nếu sau này có bên thứ ba bất kỳ chứng minh được nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị vẫn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007760 ngày 25/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Hện CM, tỉnh An Giang. Chị L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho anh Lê Nguyễn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy L.

2. Về con chung: chị L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày 10/9/2014; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007760 ngày 25/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Hện CM, tỉnh An Giang. Chị L không phải chịu án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Hện CM;
- Chi cục THADS Hện CM;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hội Đông;
- UBND xã Kiến An;
- Lưu.

Lê Hữu Nghĩa